

Bản án số: 105 /2024/DS-ST
Ngày: 26-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/TLST-DS ngày 03/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2024/QĐXXST-DS, ngày 24/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2024/QĐST-DS ngày 08/8/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị S, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp Ô A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Kim Thị S: Anh Trương V M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Kim Thị N, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Ông Thạch S1, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Kim Thị S và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Bà Kim Thị S có tham gia góp dây hụi khai ngày 01/02/2020 (dương lịch) do bà Kim Thị N làm đầu thảo hụi. Hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 3.000.000 đồng có 15 phần, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 01/02/2020 (dl) sau đó 01 tháng khai 02 lần; hình thức lĩnh hụi là thành viên trong dây hụi bỏ thăm cao nhất thì hốt, việc góp hụi là sau khi đã mở hụi thì đầu thảo đi gom tiền của hụi viên sau đó giao tiền tại nhà hụi viên được lĩnh hụi. Mỗi người lĩnh hụi thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 900.000 đồng/01 lần hốt hụi. Bà tham gia mỗi dây 01 phần ở dây số 20, 36, 37, 41, 42 lấy tên trong danh sách hụi là “7 S”, tiền hụi bà S đóng và bỏ thăm hốt hụi được ghi cụ thể trong đơn khởi kiện, ở các dây hụi trên bà S yêu cầu như sau:

Dây 20: Ở lần khai thứ 8 bà S kêu số tiền 1.500.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi nên hốt được số tiền 30.600.000 đồng đã trừ huê hồng nhưng đầu thảo không giao tiền hụi.

Dây 36: Ở lần khai thứ 7 bà S kêu số tiền 2.020.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi nên hốt được số tiền 24.940.000 đồng đã trừ huê hồng nhưng đầu thảo không giao tiền hụi.

Dây 37: Ở lần khai thứ 8 bà S kêu số tiền 1.500.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi nên hốt được số tiền 30.600.000 đồng đã trừ huê hồng nhưng đầu thảo không giao tiền hụi.

Dây 41: Ở lần khai thứ 7 bà S kêu số tiền 2.020.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi nên hốt được số tiền 24.940.000 đồng đã trừ huê hồng nhưng đầu thảo không giao tiền hụi.

Dây 42: Ở lần khai thứ 7 bà S kêu số tiền 1.900.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi nên hốt được số tiền 25.900.000 đồng đã trừ huê hồng nhưng đầu thảo không giao tiền hụi.

Tổng cộng số tiền hụi hốt nhưng bà N không giao cho bà S là 136.980.000 đồng.

Do sau khi bà S bốc thăm trúng hụi các dây này thì bà S có qua nhà bà N lấy tiền hụi được hốt nhưng bà N nói là vài bữa nữa đi gom rồi chung tiền cho bà S, sau đó bà N chỉ giao cho bà S số tiền 12.000.000 đồng, phần tiền hụi còn lại không giao. Người đại diện ủy quyền của bà S đồng ý trừ số tiền 12.000.000 đồng vào số tiền hụi hốt mà bà N chưa giao cho bà S nên yêu cầu bà N ông S phải trả tiếp số tiền còn lại là 124.980.000 đồng, không yêu cầu tính lãi hụi.

Bị đơn bà Kim Thị N trình bày: Bà thừa nhận có tổ chức khai dây hụi ngày 01/02/2020 dương lịch, loại hụi 3.000.000 đồng có 15 phần do bà làm đầu thảo (chủ hụi) từ dây số 01 đến dây số 42, trong đó bà Kim Thị S có tham gia 28 dây hụi gồm từ dây 15 đến dây 42 (trong đó có dây 15, 16 tham gia mỗi dây 02 phần), các dây còn lại tham gia 01 phần lấy tên trong danh sách hụi là “7 S”.

Theo đơn khởi kiện của bà S cho rằng các dây hụi số 10, 36, 37, 41, 42 bà S có tham gia kêu hụi và là người rút thăm hốt hụi nhưng bà không giao tiền hụi là không đúng, các dây hụi này bà đã giao đầy đủ tiền hụi cho bà S xong sau khi trừ

tiền huê hồng nên không đồng ý trả số tiền 124.980.000 đồng cho bà S. Danh sách hui gốc bà đã sao nộp cho Tòa án xong, nếu cản trở qua lại giữa các phần hui sống và phần hui chết thì bà S còn nợ bà số tiền 62.870.000 đồng nhưng bà không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: Danh sách hui viên các dây số 20, 26, 36, 37, 41, 42 và tờ xác nhận của các hui viên Kim Thị D, Thạch Thị H H, Kim Thị C B, Thạch S Đ xác nhận bà S có kêu hốt hui và trúng thăm ở các dây này.

Đối với bị đơn bà Kim Thị N có cung cấp cho Tòa án danh sách các dây hui từ dây 15 đến 42 có bà S tham gia và các phần hui sống, phần hui chết của bà S đã tham gia hốt hui của bà N và bảng kê số phần hui chết, số phần hui sống của bà S ở các dây trên thể hiện khi cản trở qua lại bà S còn nợ bà N số tiền 62.870.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Thạch S1 sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng ông S1 không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó Tòa án lập biên bản vắng mặt ông S1 và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà N phải giao số tiền hui hốt được trong các dây 20, 36, 37, 41, 42 mà chỉ yêu cầu bà N phải hoàn trả lại số tiền hui vốn đã đóng trong các dây này tổng cộng bằng 36.720.000 đồng, do trước đó bà N đã có giao cho bà S số tiền 12.000.000 đồng nên đồng ý trừ số tiền này vào số tiền hui vốn, yêu cầu trả tiếp số tiền còn lại là 24.720.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S.
2. Buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 liên đới trả cho bà Kim Thị S tiền hui vốn đã đóng tổng cộng bằng 24.720.000 đồng, bà Kim Thị S không yêu cầu tính lãi.
3. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
4. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Kim Thị S khởi kiện yêu cầu bà Kim Thị N, ông Thạch S1 phải trả số tiền hui trúng thăm được hốt nhưng bà N không giao, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Bị đơn cư trú tại ấp Ô A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa bà Kim Thị N, ông Thạch S1 vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án. Bà Nga, ông S1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay bà N, ông S1 vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện của bà Kim Thị S có thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu trả số tiền hui hốt được là 136.980.000 đồng mà chỉ yêu cầu bà N, ông S1 phải hoàn trả lại số tiền hui vốn đã đóng trong các dây 20, 36, 37, 41, 42 bằng 36.720.000 đồng, đồng ý cán trừ số tiền 12.000.000 đồng bà N đã giao trước cho bà S vào số tiền hui vốn đã đóng, nên yêu cầu bà N và ông S1 phải trả tiếp số tiền còn lại là 24.720.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện còn lại của bà S là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, do các dây hui trên đều úp nên buộc bà N phải trả lại tiền hui sống bà S đóng, cụ thể:

Dây 20: Bà S đóng hui sống bằng 7.510.000 đồng;

Dây 36: Bà S đóng hui sống bằng 6.760.000 đồng;

Dây 37: Bà S đóng hui sống bằng 7.850.000 đồng;

Dây 41: Bà S đóng hui sống bằng 7.260.000 đồng;

Dây 42: Bà S đóng hui sống bằng 7.340.000 đồng;

Tổng cộng các dây hụi trên bà S đóng hụi sống bằng 36.720.000 đồng trừ 12.000.000 đồng bà N đã giao trước đó thì bà N phải trả tiếp cho bà S là 24.720.000 đồng.

[4] Đối với bà N sau khi nhận được các danh sách dây hụi bà S cung cấp thì cho rằng bà S đã có hụi xong ở các dây số 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 25, 26, 27, 278, 32, 36, 37, 39, 41, 42, chỉ còn sống ở các dây số 22, 24, 29, 30, 31, 33, 34, 35, 38, 40 cản trở giữa các phần hụi sống và hụi chết thì bà yêu cầu bà S phải trả lại cho bà 62.870.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện T có công văn số 02/CV-TA ngày 23/11/2022 và Thông báo số: 90/TB-TA ngày 15/3/2024 yêu cầu bà N, ông S1 nộp đơn yêu cầu phản tố cản trở tiền hụi sống hụi chết với bà S và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng bà N, ông S1 không nộp đơn yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với ông Thạch S1 mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng Tòa án đã có sao gửi các chứng cứ để ông có ý kiến hoặc phản hồi nhưng ông không có ý kiến. Bà N và ông S1 là vợ chồng, việc bà N tổ chức chơi hụi có tiền huê hồng là nhằm để chăm lo cho cuộc sống gia đình, do đó căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà N và ông S1 phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà S số tiền hụi đã đóng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S, buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 phải trả cho bà S số tiền hụi 24.720.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 112.260.000 đồng do nguyên đơn xin rút lại không có tranh chấp.

[7] Xét thấy quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bà Kim Thị S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

- 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị S.**

2. Buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kim Thị S số tiền hụi vốn đã đóng bằng 24.720.000 đồng (của dây hụi khai ngày 01/02/2020 dương lịch, loại hụi 3.000.000 đồng có 15 phần, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 01/02/2020 dương lịch, sau đó 01 tháng khai 02 lần do bà N làm đầu thảo hụi). Bà Kim Thị S không yêu cầu tính lãi hụi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút lại đối với số tiền 112.260.000 đồng không có tranh chấp.

4. Về án phí: Buộc bà Kim Thị N và ông Thạch S1 phải chịu số tiền 1.236.000 đồng.

Bà Kim Thị S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Kim Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.332.250 đồng theo biên lai thu tiền số 0011587 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký